

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TIỀN HẢI
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2018/KDTM - ST.
Ngày: 29/6/2018.
V/v: "Tranh chấp hợp đồng tín dụng".

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIỀN HẢI TỈNH THÁI BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có

Thẩm phán – Chủ tọa phiên Tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Mã Siêu và bà Trần Thị Cúc.

- Thư ký phiên Tòa: Ông Nguyễn Văn Vương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình tham gia phiên Tòa: Bà Phí Thị Huệ - Kiểm sát viên.

Ngày 29/6/2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 01/2018/TLST- KDTM ngày 06/02/2018 về tranh chấp “Hợp đồng tín dụng”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2018/QĐXX-ST ngày 04/5/2018, quyết định hoãn phiên Tòa số 04/2018/QĐST - KDTM ngày 04/6/2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần Q, trụ sở: 28 C- D phố B, phường H, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội. Đại diện theo pháp luật: Bà Trần Hải A - Chủ tịch hội đồng quản trị. Đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Đình C1 – Giám đốc công ty trách nhiệm hữu hạn quản lý nợ và khai thác tài sản Ngân hàng Q. Người được ủy quyền theo vụ việc: Ông Đỗ Văn T1 - Cán bộ Ngân hàng Q.

- Bị đơn: Anh Bùi Văn A, sinh năm 1977 và chị Phạm Thị Thúy, sinh năm 1981. Địa chỉ nơi cư trú: Thôn T5, xã N2, huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Anh Đinh Văn T3, sinh năm 1980 và chị Bùi Thị V, sinh năm 1979. Địa chỉ nơi cư trú: Thôn T4, xã N1, huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình.

(Anh T1 có mặt tại phiên Tòa, anh A, chị T2, anh T3, chị V vắng mặt tại phiên Tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn là Ngân hàng thương mại cổ phần Q trình bày: Ngày 26/10/2010, Ngân hàng thương mại cổ phần Q đã ký hợp đồng hạn mức cấp tín

dụng số 031/10/HĐHM/105-59 và đến ngày 25/10/2011, Ngân hàng thương mại cổ phần Q ký tiếp hợp đồng tín dụng ngắn hạn kiêm khế ước nhận nợ số 0312/11/HĐTD/105-59 với anh Bùi Văn A, chị Phạm Thị T2. Theo nội dung hợp đồng các bên thỏa thuận như sau: Số tiền vay gốc là 200.000.000 đồng, lãi suất 24,82 %/ năm, thời hạn vay 12 tháng (kể từ ngày giải ngân), lãi suất quá hạn bằng 1,5 lần lãi suất trong hạn, hình thức bảo đảm nợ vay: Thế chấp một quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 1951 (1), tờ bản đồ số 03, đo đạc năm 1990, tại thôn: T4, xã N1, huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AĐ 654817, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận: H 01292 do Ủy ban nhân dân huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình cấp ngày 27/7/2006 mang tên anh Đinh Văn T3, chị Bùi Thị V. Mục đích vay vốn là bổ sung vốn lưu động kinh doanh thủy hải sản. Trong thời gian vay, anh A và chị T2 đã trả được Ngân hàng Q 40.072.278 đồng tiền gốc và 26.052.251 đồng tiền lãi trong hạn. Vì vậy, đến thời hạn thanh toán hợp đồng theo hợp đồng hạn mức cấp tín dụng và hợp đồng tín dụng ngắn hạn kiêm khế ước nhận nợ. Ngân hàng đã yêu cầu anh A và chị T2 trả nợ Ngân hàng nhiều lần nhưng anh A, chị T2 không trả nợ được cho Ngân hàng thương mại cổ phần Q.

Ngân hàng thương mại cổ phần Q yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc anh Bùi Văn A, chị Phạm Thị T2 phải trả Ngân hàng toàn bộ số tiền gốc 159.927.722 đồng, số tiền lãi trong hạn phải trả 19.590.304 đồng, số tiền lãi quá hạn phải trả tính đến ngày 29/6/2018 là 271.680.201 đồng. Tổng cộng 451.198.227 đồng. Trong trường hợp anh A và chị T2 không thanh toán số nợ gốc và lãi trên cho Ngân hàng thì yêu cầu Tòa án xử phát mại tài sản đảm bảo theo hợp đồng thế chấp tài sản để thu hồi nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần Q.

Ngoài ra anh A, chị T2 phải tiếp tục chịu khoản lãi kể từ sau khi tuyên án sơ thẩm đối với khoản nợ gốc cho đến khi thanh toán xong theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng.

Bà Trần Thị V2 là mẹ đẻ của anh Bùi Văn A, chị Bùi Thị V khai: Hiện nay anh A, chị T2, anh T3 và chị V đang làm ăn xa nên bà không biết địa chỉ cụ thể của anh A, chị T2, anh T3, chị V nhưng các con bà đều có liên lạc về cho bà qua điện thoại nên anh A và chị T2, anh T3, chị V đều đã biết việc Ngân hàng thương mại cổ phần Q có đơn khởi kiện đến Tòa án yêu cầu anh A, chị T2 trả nợ và yêu cầu xử lý tài sản thế chấp của anh T3 và chị V nhưng vì kinh tế khó khăn nên anh A, chị T2 không có khả năng trả nợ.

Bị đơn là anh Bùi Văn A, chị Phạm Thị T2. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là anh Đinh Văn T3 và chị Bùi Thị V cố tình không đến Tòa án. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo cung cấp chứng cứ cho anh A, chị T2, anh T3, chị V yêu cầu anh A, chị T2, anh T3 và chị V cung cấp chứng cứ về số tiền nợ gốc, nợ lãi trong hạn và nợ lãi quá hạn và quan điểm về việc Ngân hàng yêu

cầu xử lý tài sản thế chấp cho Tòa án, cũng như gửi các văn bản thể hiện quan điểm của các anh, chị về cho Tòa án biết về số tiền nợ và quan điểm về việc Ngân hàng thương mại cổ phần yêu cầu xử lý tài sản thế chấp, anh A, chị T2, anh T3 và chị V đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo về việc Tòa án thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên Tòa nhưng anh A, chị T2, anh T3 và chị V không đến Tòa án, không có văn bản thể hiện ý kiến của các anh, chị có xác nhận của chính quyền địa phương nơi anh A, chị T2, anh T3, chị V đang sinh sống gửi Tòa án.

Tại phiên Tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiền Hải phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điều 5, điều 30, điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Điều 290, điều 305, điều 318, điều 342, điều 343, điều 355, điều 388, điều 389, điều 405 Bộ luật dân sự năm 2005. Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần Q. Buộc anh Bùi Văn A, sinh năm 1977 và chị Phạm Thị T2, sinh năm 1981, đều nơi cư trú: Thôn T5, xã N2, huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình phải trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần Q các khoản sau: Tiền nợ gốc 159.927.722 đồng, tiền nợ lãi trong hạn 19.590.304 đồng, tiền nợ lãi quá hạn phải trả tính đến ngày 29/6/2018 là 271.680.201 đồng. Tổng số tiền phải trả là 451.198.227 đồng.

- Trường hợp anh A, chị T2 không trả được nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần Q thì phía Ngân hàng được quyền phát mại tài sản đảm bảo là nhà đất mang tên anh T3 và chị V tại thửa đất số 1951 (1), tờ bản đồ số 03, đo đạc năm 1990 tại thôn T4, xã N1, huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình để thu hồi nợ. Nếu tài sản bảo đảm không đủ để thu hồi nợ thì anh A, chị T2 có nghĩa vụ trả tiếp số nợ còn thiếu cho Ngân hàng.

Về án phí: Anh Bùi Văn A và chị Phạm Thị T2 phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. **Về tố tụng:** Đây là tranh chấp phát sinh trong hoạt động kinh doanh thương mại giữa tổ chức và cá nhân có đăng ký kinh doanh với nhau và đều có mục đích lợi nhuận. Bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có nơi cư trú tại huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình nên Tòa án nhân dân huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình giải quyết vụ án là phù hợp với khoản 1 điều 30, điểm b khoản 1 điều 35 và điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên Tòa hôm nay bị

đơn là anh Bùi Văn A và chị Phạm Thị T2, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là anh Đinh Văn T3 và chị Bùi Thị V đều vắng mặt không có lý do, mặc dù đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt anh A, chị T2, anh T3 và chị V.

[2]. Về nội dung:

2.1. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải có nghĩa vụ trả nợ số tiền gốc là 159.927.722 đồng, tiền lãi trong hạn là 19.590.304 đồng và lãi nợ quá hạn tính đến ngày 29/6/2018 là 271.680.201 đồng, tổng cộng là 451.198.227 đồng thì thấy ngày 26/10/2010 anh A, chị T2 đã ký kết hợp đồng hạn mức cấp tín dụng và ngày 25/10/2011 ký tiếp hợp đồng tín dụng ngắn hạn kiêm khế ước nhận nợ với Ngân hàng thương mại cổ phần Q vay số tiền gốc là 200.000.000 đồng, thời hạn vay là 12 tháng (kể từ ngày 25/10/2011 đến ngày 25/10/2012), lãi suất vay là 24,82%/ năm, trong quá trình anh A và chị T2 vay vốn của Ngân hàng thương mại cổ phần Q thì Ngân hàng đã hai lần điều chỉnh lãi suất giảm cho anh A, chị T2 lần 1 vào ngày 26/4/2012 giảm xuống còn 22,82%/ năm, lần 2 vào ngày 26/7/2012 điều chỉnh lãi suất giảm xuống còn 17,80 %/ năm, lãi suất quá hạn bằng 1,5 lần lãi suất trong hạn. Anh A, chị T2 đã được Ngân hàng thương mại cổ phần Q giải ngân số tiền gốc là 200.000.000 đồng trong quá trình vay nợ anh A, chị T2 đã trả cho Ngân hàng được 40.072.278 đồng tiền gốc và 26.133.251 đồng lãi trong hạn. Nên xét thấy yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần Q yêu cầu anh A, chị T2 phải trả Ngân hàng khoản tiền gốc là: 159.927.722 đồng, khoản tiền lãi trong hạn là 19.590.304 đồng lãi trong hạn và khoản tiền lãi nợ quá hạn là từ ngày 26/10/2012 đến ngày 24/8/2017 là 1.763 ngày x 179.927.722 đồng x 26,70 %/ năm = 235.265.992 đồng, từ 25/8/2017 đến ngày 31/12/2017 là 128 ngày x 159.927.722 đồng x 26,70%/năm = 15.182.472 đồng, từ ngày 01/01/2018 đến ngày 29/6/2018 là 179 ngày x 159.927.222 đồng x 26,70%/năm = 21.231.738 đồng, tổng cộng lãi quá hạn là: 271.680.201 đồng. Tổng cộng số tiền gốc, lãi trong hạn và lãi quá hạn là 451.198.227 đồng là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận. Vì vậy, cần áp dụng điều 27 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, buộc anh A và chị T2 phải chịu trách nhiệm liên đới trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần Q số tiền gốc, lãi trong hạn và lãi quá hạn trên.

2.2. Đối với yêu cầu về việc bị đơn là anh A và chị T2 không thanh toán số tiền nợ gốc và lãi cho Ngân hàng thương mại cổ phần Q nên yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình tuyên Ngân hàng được quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án có thẩm quyền phát mại tài sản thế chấp toàn bộ giá trị quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của anh Đinh Văn T3 và chị Bùi Thị V đảm bảo để thu hồi nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần Q.

Xét về hợp đồng thế chấp: Để đảm bảo khoản vay theo hợp đồng hạn mức cấp tín dụng và hợp đồng tín dụng ngắn hạn kiêm khế ước nhận nợ trên anh Đinh Văn T3 và chị Bùi Thị V đã dùng tài sản là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AĐ 654817 do Ủy ban nhân dân huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình cấp ngày 27/7/2006 thế chấp cho Ngân hàng thương mại cổ phần Q theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 031/10/HĐTC – BDS/105-59 ngày 26/10/2010. Vì vậy, về hình thức của hợp đồng thế chấp bất động sản tuân thủ đầy đủ các quy định về pháp luật về hợp đồng dân sự, các bên đã tự nguyện ký kết không ai bị ép buộc, khi lập hợp đồng đã được công chứng và đăng ký thế chấp đúng quy định của pháp luật. Hợp đồng thế chấp đã đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định tại nghị định 163/2006/NĐ - CP ngày 29/12/2006 về giao dịch bảo đảm và nghị định số 11/2012/NĐ - CP ngày 22/02/2012 về sửa đổi, bổ sung một số điều của nghị định 163/2006 /NĐ - CP. Như vậy, việc thế chấp là đảm bảo đúng quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

[3]. **Về án phí:** Yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần Q được Tòa án chấp nhận do vậy sẽ hoàn trả số tiền tạm ứng án phí cho Ngân hàng thương mại cổ phần Q. Anh A, chị T2 phải chịu án phí kinh doanh thương mại theo quy định của pháp luật.

[4]. **Về quyền kháng cáo:** Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Khoản 1 điều 30, điều 147, điều 157, điều 158, điểm b khoản 2 điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Điều 290, điều 305, điều 318, điều 342, điều 343, điều 355, điều 388, điều 389, điều 405 Bộ luật dân sự năm 2005. Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015. Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 26/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần Q buộc anh Bùi Văn A, sinh năm 1977 và chị Phạm Thị T2, sinh năm 1981, đều nơi cư trú: Thôn T5, xã N2, huyện Tiền Hải tỉnh Thái Bình phải trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần Q các khoản sau:

- Tiền nợ gốc: 159.927.722 đồng.
- Tiền nợ lãi trong hạn: 19.590. 304 đồng.
- Tiền nợ lãi quá hạn phải trả tính đến ngày 29/6/2018 là: 271.680.201 đồng. Tổng số tiền phải trả là: 451.198.227 đồng (Bốn trăm năm mươi một triệu một trăm chín mươi tám nghìn hai trăm hai mươi bảy đồng).

Khi bản án có hiệu lực pháp luật mà anh Bùi Văn A và chị Phạm Thị T2 không trả nợ cho Ngân hàng thì Ngân hàng thương mại cổ phần Q có quyền yêu

cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản thế chấp của anh Đinh Văn T3, sinh năm 1980 và chị Bùi Thị V, sinh năm 1979, đều nơi cư trú: Thôn T4, xã N1, huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình để thu hồi nợ.

Tài sản thế chấp mà Ngân hàng thương mại cổ phần Q có quyền yêu cầu phát mại là: Một quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 1951 (1), tờ bản đồ số 03 đo đạc năm 1990 tại thôn T4, xã N1, huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AĐ 654817, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất H 01292, do Ủy ban nhân dân huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình cấp ngày 27/7/2006 mang tên anh Đinh Văn T3 và chị Bùi Thị V, đều nơi cư trú: Thôn T4, xã N1, huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình.

Bên phải thi hành án phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi kể từ sau ngày tuyên án sơ thẩm đối với khoản nợ gốc cho đến khi thanh toán xong theo mức lãi suất đã thỏa thuận trong hợp đồng.

2. Về án phí: Anh Bùi Văn A và chị Phạm Thị T2 phải nộp 22.047.000 đồng (Hai mươi hai triệu không trăm bốn mươi bảy nghìn đồng) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Trả lại Ngân hàng thương mại cổ phần Q số tiền tạm ứng án phí đã nộp 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) tại biên lai thu tạm ứng án phí số 0008563 ngày 01/02/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo: Ngân hàng thương mại cổ phần Q có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 29/6/2018. Anh Bùi Văn A, chị Phạm Thị T2, anh Đinh Văn T3 và chị Bùi Thị V có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Tiền Hải.
- Các đương sự.
- UBND xã N1.
- UBND xã N2.
- PKT Giám đốc.
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thanh

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN- CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA